

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024**



## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 36

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2024)
Ông Trịnh Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 21/02/2024)

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngọc Lương	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 15/04/2024)
Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/04/2024)

#### Kế toán trưởng

Bà Hồ Nguyễn Tú Anh	Phó trưởng phòng TCKT (Phụ trách kế toán từ ngày 01/05/2024)
Ông Nguyễn Huy Phương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/05/2024)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



The image shows a handwritten signature in blue ink over a red circular stamp. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 4200272350 - C T C", "CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH", and "TP. CAM RANH - T. KHÁNH HÒA".

**Nguyễn Văn Thắng**

**Tổng Giám đốc**

Cam Ranh, ngày 10 tháng 08 năm 2024



Số: 790/2024/UHY-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 10/08/2024, từ trang 05 đến trang 36 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Hà Minh Long**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.155.713.182</b>	<b>31.386.499.996</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>30.580.634.762</b>	<b>12.998.338.592</b>
Tiền	111		11.580.634.762	7.998.338.592
Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.000.846.008</b>	<b>15.452.724.473</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.867.207.890	14.733.247.247
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.023.960.000	1.241.430.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.178.947.889	547.316.997
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.069.269.771)	(1.069.269.771)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>343.543.631</b>	<b>559.856.670</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	343.543.631	559.856.670
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.230.688.781</b>	<b>2.375.580.261</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	230.688.781	229.490.146
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.000.000.000	2.146.090.115
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>263.603.413.394</b>	<b>269.591.160.856</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>256.750.778.897</b>	<b>262.306.425.715</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	256.653.870.369	262.252.224.102
- Nguyên giá	222		548.486.109.608	543.916.633.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(291.832.239.239)	(281.664.408.983)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	96.908.528	54.201.613
- Nguyên giá	228		260.975.660	195.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(164.067.132)	(140.798.387)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.237.787.979</b>	<b>2.413.713.905</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.237.787.979	2.413.713.905
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>4.464.390.000</b>	<b>4.464.390.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		3.294.390.000	3.294.390.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.170.000.000	1.170.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>150.456.518</b>	<b>406.631.236</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	150.456.518	406.631.236
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>312.759.126.576</b>	<b>300.977.660.852</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>34.660.780.207</b>	<b>28.829.343.487</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.080.980.207</b>	<b>16.925.443.487</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.786.569.371	3.706.841.320
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	32.486.009	257.301.789
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.941.720.765	1.390.247.332
Phải trả người lao động	314		4.581.542.741	5.076.413.135
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.094.461.936	109.499.681
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	3.439.266.000	3.137.040.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.075.711.451	778.321.295
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.620.000.000	1.620.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.900.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.609.221.934	849.778.935
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.579.800.000</b>	<b>11.903.900.000</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	1.402.800.000	2.916.900.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	8.177.000.000	8.987.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>278.098.346.369</b>	<b>272.148.317.365</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>278.098.346.369</b>	<b>272.148.317.365</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
Cổ phiếu quỹ	415		(482.000.000)	(482.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.937.027.761	13.937.027.761
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.625.148.608	13.675.119.604
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.082.861.604	31.659.913
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.542.287.004	13.643.459.691
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>312.759.126.576</b>	<b>300.977.660.852</b>

Cam Ranh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu/  
Phó Trưởng phòng TCKT

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	82.503.068.922	65.045.456.650
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82.503.068.922	65.045.456.650
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60.105.501.699	46.129.563.259
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.397.567.223	18.915.893.391
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.126.184.308	595.167.478
Chi phí tài chính	22	VI.4	405.047.284	444.560.271
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		405.047.284	444.560.271
Chi phí bán hàng	25	VI.5	138.168.822	136.368.822
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.385.294.835	10.149.308.969
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.595.240.590	8.780.822.807
Thu nhập khác	31		9.000.000	9.000.000
Chi phí khác	32		7.094.929	2.209.426
Lợi nhuận khác	40		1.905.071	6.790.574
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.597.145.661	8.787.613.381
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	2.054.858.657	1.604.858.657
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.542.287.004	7.182.754.724

Cam Ranh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu/  
Phó Trưởng phòng TCKT

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01		10.597.145.661	8.787.613.381
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.448.508.001	10.234.564.609
Các khoản dự phòng	03		1.900.000.000	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.126.184.308)	-
Chi phí lãi vay	06		405.047.284	444.560.271
Các điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		22.224.516.638	19.466.738.261
(Tăng), giảm khoản phải thu	09		(374.760.187)	15.618.450.014
Giảm hàng tồn kho	10		216.313.039	9.364.370
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(993.016.718)	(26.254.068.646)
Giảm chi phí trả trước	12		254.976.083	721.998.284
Tiền lãi vay đã trả	14		(405.047.284)	(444.560.271)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.014.363.556)	(1.799.917.017)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(20.000.000)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		18.888.618.015	7.318.004.995
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.595.234.920)	(1.221.481.481)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.098.913.075	583.318.163
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(496.321.845)	(638.163.318)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(810.000.000)	(810.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(810.000.000)	(810.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		17.582.296.170	5.869.841.677
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	V.1	12.998.338.592	5.017.515.966
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.1	30.580.634.762	10.887.357.643

Cam Ranh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu/  
Phó Trưởng phòng TCKT

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28/01/2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 08/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.018.170.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 245.018.170.000 đồng; tương đương 24.501.817 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 170 người (tại ngày 31/12/2023 là 170 người).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực khai thác Cảng biển.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistic;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác, ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khai thuế hải quan.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có Công ty con:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh
- Địa chỉ trụ sở chính: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
- Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải.
- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty là 51%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và hoàn toàn có thể so sánh được.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm tài chính và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm tài chính của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**3. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Quyền kiểm soát của Công ty đối với công ty con được xem xét bao gồm sự tồn tại và ảnh hưởng của quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện hoặc chuyển đổi.

Được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất khoản các khoản đầu tư được lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

**6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp)**

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39
- Máy móc, thiết bị	04 - 13
- Phương tiện vận tải	02 - 09
- Thiết bị văn phòng	02 - 06
- Phần mềm quản lý	05

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

**9. Tài sản cố định vô hình**

*Phần mềm máy tính*

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng cố liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là giá trị thương hiệu được phân bổ tối đa 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc theo thời hạn mua.

#### 12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**13. Nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**14. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm tài chính, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**15. Vay và chi phí đi vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính khi phát sinh.

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**17. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số cổ phiếu đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**18. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính:

*Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**19. Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp)**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**22. Báo cáo bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp hàng hóa phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	597.057.541	1.129.327.221
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.983.577.221	6.869.011.371
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.580.634.762</b>	<b>12.998.338.592</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,5%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	3.294.390.000	-		3.294.390.000	-	
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh (1)</i>	<i>3.294.390.000</i>	-	(*)	<i>3.294.390.000</i>	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.170.000.000	-		1.170.000.000	-	
<i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh (2)</i>	<i>1.170.000.000</i>	-	(*)	<i>1.170.000.000</i>	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>4.464.390.000</b>	-	-	<b>4.464.390.000</b>	-	-

Thông tin về các Công ty được đầu tư tại ngày 30/06/2024:

Tên Công ty đầu tư	Nơi Thành lập hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Đầu tư vào công ty con <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh</i>	<i>Thành phố Cam Ranh</i>	<i>51,00%</i>	<i>51,00%</i>	Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải
- Đầu tư vào đơn vị khác <i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh</i>	<i>Thành phố Cam Ranh</i>	<i>6,50%</i>	<i>6,50%</i>	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

(1) Khoản đầu tư vào Công ty con với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/06/2024 là 356.979 cổ phiếu, trong đó 27.540 cổ phiếu do Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

(2) Khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/06/2024 là 337.662 cổ phiếu, trong đó 103.662 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh chia cổ tức bằng cổ phiếu, 117.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH Đá Hóa An 1	5.704.677.449	5.139.266.742
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	563.600.626
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	-	574.789.841
- Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	347.656.124	347.656.124
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Khánh Hưng	4.737.600	3.687.474.000
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng DACINCO	2.637.721.399	1.887.934.183
- Công ty TNHH Chế biến Dăm gỗ Đại Thắng	1.792.673.140	-
- Các đối tượng khác	3.816.141.552	2.532.525.731
<b>Cộng</b>	<b>14.867.207.890</b>	<b>14.733.247.247</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>98.095.645</b>	<b>574.789.841</b>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	-	574.789.841
- Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh	98.095.645	113.064.575

**4. Trả trước cho người bán**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.023.960.000</b>	<b>1.241.430.000</b>
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng Phúc Anh	418.800.000	-
- Công ty TNHH MTV Nha Trang Tourist	262.960.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công Nghệ INTECOM	200.000.000	200.000.000
- Công ty TNHH Đông Đô	-	930.000.000
- Các đối tượng khác	142.200.000	111.430.000
<b>Cộng</b>	<b>1.023.960.000</b>	<b>1.241.430.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**5. Phải thu khác**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.178.947.889</b>	<b>-</b>	<b>547.316.997</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	834.700.000	-	102.000.000	-
- Phân chia chi phí Cầu Gottwald	1.098.128.856	-	55.118.570	-
- Phải thu khác	246.119.033	-	390.198.427	-
<b>Cộng</b>	<b>2.178.947.889</b>	<b>-</b>	<b>547.316.997</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

	30/06/2024			01/01/2023		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>						
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa	Trên 3 năm	347.656.124	-	Trên 3 năm	347.656.124	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	563.600.626	281.800.313	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	563.600.626	281.800.313
- Công ty Cổ phần Xây dựng và ứng dụng Công nghệ Mới	Trên 3 năm	113.319.150	-	Trên 3 năm	113.319.150	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	Trên 3 năm	99.453.843	-	Trên 3 năm	99.453.843	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	227.040.341	-	Trên 3 năm	227.040.341	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.351.070.084</b>	<b>281.800.313</b>	<b>-</b>	<b>1.351.070.084</b>	<b>281.800.313</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu		-	94.453.921	-
- Công cụ, dụng cụ	136.007.663	-	157.677.296	-
- Hàng Hóa	207.535.968	-	307.725.453	-
<b>Cộng</b>	<b>343.543.631</b>	<b>-</b>	<b>559.856.670</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, Thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2024	473.555.248.901	49.240.911.122	18.889.094.021	2.231.379.041	543.916.633.085
- Đầu tư Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.628.703.705	-	-	198.181.818	4.826.885.523
- Thanh lý, nhượng bán	(257.409.000)	-	-	-	(257.409.000)
30/06/2024	<u>477.926.543.606</u>	<u>49.240.911.122</u>	<u>18.889.094.021</u>	<u>2.429.560.859</u>	<u>548.486.109.608</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2024	(242.779.123.431)	(25.365.896.248)	(11.967.212.856)	(1.552.176.448)	(281.664.408.983)
- Khấu hao trong kỳ	(7.824.386.598)	(1.880.530.694)	(620.008.524)	(100.313.440)	(10.425.239.256)
- Thanh lý, nhượng bán	257.409.000	-	-	-	257.409.000
30/06/2024	<u>(250.346.101.029)</u>	<u>(27.246.426.942)</u>	<u>(12.587.221.380)</u>	<u>(1.652.489.888)</u>	<u>(291.832.239.239)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2024	<u>230.776.125.470</u>	<u>23.875.014.874</u>	<u>6.921.881.165</u>	<u>679.202.593</u>	<u>262.252.224.102</u>
30/06/2024	<u>227.580.442.577</u>	<u>21.994.484.180</u>	<u>6.301.872.641</u>	<u>777.070.971</u>	<u>256.653.870.369</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2024: 23.590.621.016 đồng (Tại 31/12/2023 là: 19.805.214.291 đồng).  
Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2024: 14.926.445.571 đồng

(\*) Bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward – Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, trong năm 2022 sửa chữa lớn nguyên giá tăng lên là: 8.666.652.766 đồng, hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2024 là: 5.326.135.195 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	195.000.000	195.000.000
- Mua trong kỳ	65.975.660	65.975.660
30/06/2024	<u>260.975.660</u>	<u>260.975.660</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2024	(140.798.387)	(140.798.387)
- Khấu hao trong kỳ	(23.268.745)	(23.268.745)
30/06/2024	<u>(164.067.132)</u>	<u>(164.067.132)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	<u>54.201.613</u>	<u>54.201.613</u>
30/06/2024	<u>96.908.528</u>	<u>96.908.528</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2024	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND	VND
Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng (*)	2.224.825.016	12.962.963	-	-	2.237.787.979
Dự án Nền bãi phía Tây Cảng Cam Ranh: Bãi số 5	188.888.889	4.439.814.816	4.628.703.705	-	-
Phần mềm quản lý kinh doanh xăng dầu	-	65.975.660	65.975.660	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.413.713.905</b>	<b>4.518.753.439</b>	<b>4.694.679.365</b>	<b>-</b>	<b>2.237.787.979</b>

(\*) Dự án “Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 28.049.378.000 đồng;
- Địa điểm thực hiện: Cảng Ba Ngòi, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa;
- Mục tiêu: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
- Cơ cấu nguồn vốn: 70% vốn chủ sở hữu, 30% vốn vay
- Tại thời điểm 30/06/2024, dự án đã thực hiện xong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, lập hồ sơ mời thầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**11. Chi phí trả trước**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>230.688.781</b>	<b>229.490.146</b>
- Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	185.827.190	91.283.255
- Các khoản khác	44.861.591	138.206.891
<b>Dài hạn</b>	<b>150.456.518</b>	<b>406.631.236</b>
- Giá trị của lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	10.036.036	15.054.436
- Chi phí sửa chữa lớn	64.450.000	211.207.009
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	128.899.600
- Các khoản khác	75.970.482	51.470.191
<b>Cộng</b>	<b>381.145.299</b>	<b>636.121.382</b>

**12. Phải trả người bán**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.786.569.371</b>	<b>3.706.841.320</b>
- Công ty Cổ phần dịch vụ Biên Tân Cảng	737.640.000	849.420.000
- Công ty TNHH Cơ khí Thương mại dịch vụ Hàng hải Sơn Tùng	-	1.347.000.000
- Công ty TNHH Đông Đô	1.906.200.000	-
- Công ty TNHH Liên doanh nguyên liệu giấy Cát Phú	247.404.802	444.922.870
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	496.869.861	355.887.054
- Công ty TNHH An Phú Hải	-	108.618.948
- Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Loan Anh	702.086.400	-
- Các đối tượng khác	696.368.308	600.992.448
<b>Cộng</b>	<b>4.786.569.371</b>	<b>3.706.841.320</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>496.869.861</b>	<b>355.887.054</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	496.869.861	355.887.054

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>810.000.000</b>	<b>810.000.000</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>1.620.000.000</b>
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>810.000.000</i>	<i>810.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển	1.620.000.000	1.620.000.000	810.000.000	810.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
Khánh Hòa (*)						
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>8.177.000.000</b>	<b>8.177.000.000</b>	<b>-</b>	<b>810.000.000</b>	<b>8.987.000.000</b>	<b>8.987.000.000</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	8.177.000.000	8.177.000.000	-	810.000.000	8.987.000.000	8.987.000.000
Khánh Hòa (*)						
<b>Cộng</b>	<b>9.797.000.000</b>	<b>9.797.000.000</b>	<b>810.000.000</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>10.607.000.000</b>	<b>10.607.000.000</b>

(\*) Khoản vay của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng 14/2022/HĐTD-ĐTPT ngày 09/08/2022 với hạn mức tín dụng là 12.960.000.000 đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2024 là: 9.797.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay là đầu tư mua sắm Cầu di động - sức nâng 180 tấn nhằm nâng cao năng lực khai thác Cảng Cam Ranh. Tài sản thế chấp là tài sản của Công ty và tài sản được hình thành bằng vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hình thức bảo đảm khác phù hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	280.742.433	2.818.753.458	2.319.715.126	779.780.765
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.109.504.899	2.054.858.657	2.014.363.556	1.150.000.000
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	50.119.500	38.179.500	11.940.000
<b>Cộng</b>	<b>1.390.247.332</b>	<b>4.923.731.615</b>	<b>4.372.258.182</b>	<b>1.941.720.765</b>

	01/01/2024	Số đã thực thu trong kỳ	Số phải thu trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.028.231.660	2.276.419.578	1.248.187.918	1.000.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	117.858.455	117.858.455	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.146.090.115</b>	<b>117.858.455</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**15. Chi phí phải trả**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.094.461.936</b>	<b>109.499.681</b>
- Tiền điện tháng 12/2023	-	109.499.681
- Tiền điện tháng 6/2024	171.137.024	-
- Tạm trích tiền ăn ca cho người lao động	900.000.000	-
- Tạm trích chi phí cho người lao động	1.000.000.000	-
- Chi phí lãi vay trích trước	23.324.912	-
<b>Cộng</b>	<b>2.094.461.936</b>	<b>109.499.681</b>

**16. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>32.486.009</b>	<b>257.301.789</b>
- Công ty CP Khai Hoàn Giang	9.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải An Bình	-	22.261.851
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Hòa Phát	-	130.508.712
- Công ty Cổ phần ICD Cam Ranh	-	75.870.292
- Các đối tượng khác	23.486.009	28.660.934
<b>Cộng</b>	<b>32.486.009</b>	<b>257.301.789</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.439.266.000</b>	<b>3.137.040.000</b>
Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	3.439.266.000	3.137.040.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.402.800.000</b>	<b>2.916.900.000</b>
Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	1.402.800.000	2.916.900.000
<b>Cộng</b>	<b>4.842.066.000</b>	<b>6.053.940.000</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí Công đoàn	175.049.580	164.394.580
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	44.000.000	40.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.856.661.871	573.926.715
+ Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng	2.838.261.871	563.926.715
+ Phải trả phải nộp khác	18.400.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.075.711.451</b>	<b>778.321.295</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>01/01/2023</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>13.937.027.761</b>	<b>15.783.986.254</b>	<b>274.257.184.015</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	13.643.459.691	13.643.459.691
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(15.752.326.341)	(15.752.326.341)
<b>31/12/2023</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>13.937.027.761</b>	<b>13.675.119.604</b>	<b>272.148.317.365</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>13.937.027.761</b>	<b>13.675.119.604</b>	<b>272.148.317.365</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	8.542.287.004	8.542.287.004
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(2.592.258.000)	(2.592.258.000)
<b>30/06/2024</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>13.937.027.761</b>	<b>19.625.148.608</b>	<b>278.098.346.369</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**19. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	-
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2023	13.643.459.691
Trích Quỹ phúc lợi	1.637.215.000
Trích Quỹ Khen thưởng	818.608.000
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	136.435.000
Chi trả cổ tức	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	11.051.201.691

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ vốn	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ vốn
	VND	góp %	VND	góp %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	198.230.150.000	80,90%	198.230.150.000	80,90%
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	14,27%	34.971.020.000	14,27%
- Các cổ đông khác	11.817.000.000	4,82%	11.817.000.000	4,82%
<b>Cộng</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp cuối năm	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.592.258.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**19. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.200	48.200
+ Cổ phiếu phổ thông	48.200	48.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.453.617
+ Cổ phiếu phổ thông	24.453.617	24.453.617
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa với Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 252.364 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất từ 16 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa, có diện tích 797,5 m<sup>2</sup> với mục đích xây dựng Trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND Tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND Tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>82.503.068.922</b>	<b>65.045.456.650</b>
- Doanh thu bán hàng	22.999.409.247	17.955.659.466
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.503.659.675	47.089.797.184
<b>Cộng</b>	<b>82.503.068.922</b>	<b>65.045.456.650</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang (Cùng Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.469.114.850	-
<b>Cộng</b>	<b>3.469.114.850</b>	<b>-</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Giá vốn hàng hóa	21.516.691.143	17.097.358.949
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	38.588.810.556	29.032.204.310
<b>Cộng</b>	<b>60.105.501.699</b>	<b>46.129.563.259</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.482.980	24.129.503
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.010.701.328	571.037.975
<b>Cộng</b>	<b>1.126.184.308</b>	<b>595.167.478</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí lãi vay	405.047.284	444.560.271
<b>Cộng</b>	<b>405.047.284</b>	<b>444.560.271</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ	24.768.822	24.768.822
- Chi phí nhân công	110.400.000	110.400.000
- Chi phí bằng tiền khác	3.000.000	1.200.000
<b>Cộng</b>	<b>138.168.822</b>	<b>136.368.822</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.086.393	161.270.117
- Chi phí nhân công	7.499.272.909	5.677.036.570
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	216.076.173	97.087.623
- Chi phí khấu hao TSCĐ	539.853.046	593.790.599
- Thuế, phí, lệ phí	433.046.128	553.609.402
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.811.343.155	1.656.312.991
- Chi phí bằng tiền khác	1.760.617.031	1.410.201.667
<b>Cộng</b>	<b>12.385.294.835</b>	<b>10.149.308.969</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.315.489.552	735.771.586
- Chi phí nhân công	20.033.046.471	14.453.814.375
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	229.120.306	646.042.535
- Khấu hao tài sản cố định	10.448.508.001	10.234.564.609
- Thuế, phí và lệ phí	2.226.472.702	1.288.412.978
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.096.020.150	10.547.874.351
- Chi phí bằng tiền khác	1.763.617.031	1.411.401.667
<b>Cộng</b>	<b>51.112.274.213</b>	<b>39.317.882.101</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.597.145.661</b>	<b>8.787.613.381</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>326.235.000</b>	<b>110.000.000</b>
- Thù lao thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách	326.235.000	110.000.000
- Chi phí không hợp lệ	-	-
- Các khoản tiền phạt thuế và bảo hiểm	7.061.929	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế</b>	<b>673.380.661</b>	<b>897.613.381</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.010.701.328	571.037.975
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(337.320.667)	326.575.406
<b>Chuyển lỗ các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>10.250.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>2.050.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>
Thuế TNDN năm trước hạch toán bổ sung	4.858.657	4.858.657
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.054.858.657</b>	<b>1.604.858.657</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**9. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<b>Đối tượng</b>	<b>Mối quan hệ</b>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Công ty con
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Hàng hải	Cùng Công ty mẹ
- Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Nha Trang	Cùng Công ty mẹ

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

		<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>
<b>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</b>		<b>995.964.000</b>	<b>663.690.300</b>
- Thu nhập và thù lao của Tổng Giám đốc		311.120.000	465.690.300
- Thu nhập và thù lao của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị		606.844.000	120.000.000
Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch HĐQT	307.040.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/02/2024)	19.195.000	-
Ông Trịnh Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ 21/02/2024)	190.609.000	-
Ông Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 21/04/2024)	-	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát		78.000.000	78.000.000
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban kiểm soát (Bỏ nhiệm từ 21/04/2023)	30.000.000	10.000.000
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ 21/04/2023)	-	20.000.000
Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	16.000.000	24.000.000
Bà Bùi Thị Ngọc Lương	Thành viên BKS (Bỏ nhiệm ngày 15/04/2024)	8.000.000	-
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Doanh thu từ các bên liên quan</b>	<b>603.784.999</b>	<b>983.878.837</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	603.784.999	983.878.837
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>2.019.690.946</b>	<b>1.747.631.169</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	2.019.690.946	1.747.631.169
<b>Cổ tức, lợi nhuận nhận về</b>	<b>356.979.000</b>	<b>178.489.500</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	356.979.000	178.489.500

**Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>98.095.645</b>	<b>687.854.416</b>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Nha Trang	-	574.789.841
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	98.095.645	113.064.575
<b>Phải trả người bán</b>	<b>496.869.861</b>	<b>355.887.054</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	496.869.861	355.887.054

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 đã được soát xét và số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Cam Ranh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu  
Phó Trưởng phòng TCKT



Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng